

**CÔNG TY TNHH HỒNG BẢO NGHĨA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HỒNG BẢO NGHĨA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG BAO NGHIA LIMITED LIABILITY COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107740092

**3. Ngày thành lập:** 28/02/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2/629, đường Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988 586 746

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4723        |
| 2.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5510        |
| 3.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1071        |
| 4.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5610(Chính) |
| 5.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1010        |
| 6.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất súp và nước xuyết;<br>- Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc;<br>- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza<br>- Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; | 1079        |
| 7.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4719        |
| 8.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                              | 5630        |
| 9.  | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1074        |
| 10. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4632        |
| 11. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4633        |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                  | 4711        |
| 13. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                         | 5621        |
| 14. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5629        |
| 15. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1020        |
| 16. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1030        |
| 17. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1075        |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111784300

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Trung Hòa, Xã Thái Hòa, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 11, ngách 82/215, ngõ 290, đường Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

© 2006 The Authors  
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 03/04/1982      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 111784300

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Trung Hòa, Xã Thái Hòa, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 11, ngách 82/215, ngõ 290, đường Kim Mã, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội